

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/DS-PT
Ngày 04 - 05 - 2019
V/v tranh chấp hủy hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt
Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 4 và ngày 04 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Phan Văn Đ, sinh năm 1968. (có mặt).

Cư trú tại: ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà Danh Thị G, sinh năm 1954. (có mặt).

Cư trú tại: ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: ấp W, xã T, huyện T1, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971

Người được bà Nguyễn Thị M ủy quyền: ông Phan Văn Đ (Theo Giấy ủy quyền ngày 27/8/2018) (có mặt).

2. Ông Danh Tấn L1, sinh năm 1956 (có mặt).

3. Bà Danh Thị L1, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Cư trú: ấp N1, thị trấn N2, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Thanh D, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phan Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày:

Theo bản án số 16/2017/DSST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu buộc bà Danh Thị G có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị M 10 chỉ vàng 24k và 77.152.320đ. Vào ngày 27/9/2017, ông Phan Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền và vàng nêu trên. Ngày 02/10/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định thi hành án số 21/QĐ-CCTHADS để thi hành các khoản tiền và vàng này. Vào ngày 02/3/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu ra Thông báo số 56/TB-THADS kết luận bà Danh Thị G có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 0164, tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m² và thửa 0672, tờ bản đồ 03 diện tích 1.100m² cả hai thửa đất này tọa lạc tại ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Ngày 18/9/2017, ông Phan Văn Đ phát hiện bà Danh Thị G đã làm hợp đồng tặng cho ông Danh Tấn L thửa 0164, tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m² vào ngày 30/8/2017. Ngày 20/9/2017, ông Phan Văn Đ làm đơn yêu cầu dừng việc chuyển tên Danh Tấn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Danh Tấn L thửa 0164, tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m². Ngày 25/9/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu ra công văn phối hợp việc giải quyết Thi hành án số 243/THADS yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu tạm dừng việc chuyển quyền sử dụng đất tất cả các thửa đất mà bà Danh Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào ngày 25/9/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã giao công văn này cho Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Ngày 27/10/2017, Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu vẫn điều chỉnh trang 4 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Danh Thị G số E 0243994 cho ông Danh Tấn L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ thửa 0164, tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m². Vào ngày 01/02/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu tiếp tục ra Công văn số 36/THADS yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu không phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0243994 cho ông Danh Tấn L và giấy này hiện đang được Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu giữ và chưa phát

hành cho ông Danh Tấn L. Nay ông yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 0164, tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m² giữa bà Danh Thị G và ông Danh Tấn L. Ông Phan Văn Đ cho rằng bà Danh Thị G tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên là trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Ngoài ra, tôi không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Danh Thị G trình bày: Về nguồn gốc đất này là của cha, mẹ của bà Danh Thị G để lại. Trước đây bà Danh Thị G và Danh Tấn L là chị em và ở chung nhà với nhau. Năm 1996, bà Danh Thị G được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ phần đất tranh chấp này. Trong đó đất thổ cư là 300m², còn đất lập vườn là 2.900m². Lý do mà bà G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là do bà G là chị nên đại diện đứng tên. Do được cấp theo diện đại trà (Kê khai sao thì được Nhà nước cấp như vậy) nhưng thực tế thì phần đất chỉ có 2.608,2 m². Đến năm 1998, bà Danh Thị G ra ở riêng tại ấp W, xã T, huyện T1, tỉnh Sóc Trăng. Ông L là con trai út nên bà Danh Thị G đã giao lại toàn bộ phần đất này cho ông L quản lý sử dụng. Thực tế ông Danh Tấn L ở từ trước đến nay, tất cả các công trình kiến trúc và cây trồng trên đất là do ông Danh Tấn L và vợ là bà Danh Thị L xây dựng và trồng. Đến ngày 30/8/2017, bà Danh Thị G và Danh Tấn L có đến Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích 3.200m² cho ông Danh Tấn L. Do trên giấy chứng nhận ghi là 3.200m² nên khi làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì trong hợp đồng cũng ghi là 3.200m². Đến ngày 20/10/2017, bà Danh Thị G và ông Danh Tấn L có liên hệ với Chi cục thuế huyện H để hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí thu trước bạ nhà đất. Ngày 27/10/2017, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H điều chỉnh lại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Danh Thị G đứng tên số E0243994 cho ông Danh Tấn L đứng tên toàn bộ thửa 0164 tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m². Như vậy, việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Danh Thị G và ông Danh Tấn L là hợp pháp và đúng quy định pháp luật. Nay ông Đ yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Danh Thị G với ông Danh Tấn L thì bà Danh Thị G không đồng ý. Ngoài ra, bà Danh Thị G không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Danh Tấn L trình bày: Về nguồn gốc đất này là của cha, mẹ của ông Danh Tấn L để lại cho bà Danh Thị G. Trước đây ông Danh Tấn L và bà Danh Thị G là chị em và ở chung nhà với nhau. Năm 1996, bà G được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ phần đất tranh chấp này, trong đó đất thổ cư là 300m², còn đất lập vườn là 2900m². Do được cấp theo diện đại trà (Kê khai sao thì được Nhà nước cấp như vậy) nhưng thực tế thì phần đất chỉ có 2.608,2 m². Năm 1998, bà Danh Thị G ra ở riêng tại ấp W, xã T1, huyện T2, tỉnh Sóc Trăng. Ông Danh Tấn L là con trai út nên tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ phần đất này. Tất cả các công trình kiến trúc và cây trồng trên đất là do ông Danh Tấn L và vợ là bà Danh Thị L xây dựng và trồng. Đến ngày 30 tháng 8 năm 2017, ông Danh Tấn L và chị ông Danh Tấn L là Danh Thị G có đến Ủy ban nhân dân xã Q để làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích 3.200m² lại cho ông Danh Tấn L. Ngày 20/10/2017, ông Danh Tấn L và bà Danh Thị G có liên hệ với Chi cục thuế huyện H để hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí thu trước bạ nhà đất. Đến ngày 27/10/2017, Chi nhánh văn

phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu điều chỉnh lại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Danh Thị G đứng tên số E0243994 cho ông Danh Tấn L đứng tên toàn bộ thửa 0164 tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m². Như vậy, việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Danh Thị G với ông Danh Tấn L là hợp pháp và đúng quy định pháp luật. Nay ông Phan Văn Đ yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa bà Danh Thị G và ông Danh Tấn L thì ông Danh Tấn L không đồng ý. Ngoài ra, ông Danh Tấn L không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Danh Thị L1: thống nhất với lời trình bày và ý kiến của ông Danh Tấn L.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu ông Phan Thanh D trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính xã Q thì phần diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Phan Văn Đ với bà Danh Thị G nằm trong thửa số 164, tờ số 02 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh Tấn L vào năm 2017; Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định cho tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh Tấn L tại thửa đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Từ nội dung trên tại bản án số 22/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 457, Điều 459 Bộ luật dân sự 2015; áp dụng Điều 167 Luật đất đai 2013; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Đ yêu cầu tuyên bố giao dịch hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Danh Thị G với ông Danh Tấn L tại thửa đất 0164, tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m² (qua đo đạc thực tế 2.608.2m²) là vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 21/11/2018 nguyên đơn ông Phan Văn Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Danh Thị G và ông Danh Tấn L tại thửa đất số 0164, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.200m² (qua đo đạc thực tế là 2.608,2m²) là vô hiệu, để đảm bảo cho việc thi hành án theo Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DSST ngày 14/7/2017.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm

phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn Đ, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Các bên đương sự thống nhất phần đất tranh chấp có diện tích 3.200m², thửa 0164, tờ bản đồ số 02 (qua đo đạc thực tế 2.608,2m²) bà G được cha mẹ cho, hiện nay bà Danh Thị G đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn ông Phan Văn Đ xác định tại bản án số 16/2017/DSST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tuyên buộc bà Danh Thị G có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị M 10 chỉ vàng 24k và 77.152.320 đồng bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Ngày 27/9/2017, ông Phan Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án; ngày 02/10/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định thi hành án số 21/QĐ-CCTHADS. Ngày 02/3/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu ra Thông báo số 56/TB-THADS xác định bà Danh Thị G có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 0164, tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m² và thửa 0672, tờ bản đồ 03 diện tích 1.100m² cả hai thửa đất này tọa lạc tại ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nhưng ngày 18/9/2017, ông Phan Văn Đ phát hiện bà Danh Thị G đã làm hợp đồng tặng cho ông Danh Tấn L thửa 0164, tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m² vào ngày 30/8/2017 là không đúng quy định, vì việc tặng cho này là hình thức trốn tránh nghĩa vụ thi hành bản án số 16/2017/DSST ngày 14/7/2017. Do đó, ông Đoàn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Danh Thị G và ông Danh Tấn L. Bị đơn bà Danh Thị G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Danh Tấn L xác định bà G đã làm hợp đồng tặng cho ông L phần đất tại thửa 0164, tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m² vào ngày 30/8/2017, hợp đồng được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Xét kháng cáo của ông Phan Văn Đ về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Danh Thị G và ông Danh Tấn L tại thửa đất số 0164, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.200m² (qua đo đạc thực tế là 2.608,2m²) là vô hiệu.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Danh Thị G số E 0243994 ngày 01 tháng 01 năm 1996. Gồm 03 thửa: Thửa 0164, diện tích 300m² thổ cư, 2.900m² đất lập vườn, thuộc tờ bản đồ số 02. Thửa 0672, diện tích 1.100 m², tờ bản đồ số 03. Thửa 0671, diện tích 5.000m², tờ bản đồ số 03. Các phần đất cùng tọa lạc tại ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Đối với

phần đất 5.000m² hiện nay bà G đã chuyển nhượng cho ông Phan Văn Đ được khoảng 15 năm, ông Đ đang trực tiếp quản lý, sử dụng). Ngoài ra bà G không còn tài sản nào khác.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà G xác định bà không có nghề nghiệp ổn định mà chỉ làm thuê kiếm sống qua ngày, không có tiền để thi hành án cho vợ chồng ông Đ, phần đất thuộc thửa số 164 bà làm thủ tục tặng cho ông L, còn phần đất thửa số 672 diện tích 1.100m² là đất biên lá không có canh tác được, bà G không có tài sản nào để thi hành án.

[6] Tại biên bản xác minh, khảo sát quyền sử dụng đất để thi hành án ngày 23/01/2018 (BL 118, 119), qua khảo sát phần đất thửa số 672, tờ bản đồ số 03 diện tích 1.100 m² có giá trị 40.000đồng/m². Phần đất thửa số 164, tờ bản đồ số 02 diện tích 3.200m² có giá trị ước tính 55.000đồng/m². Như vậy, phần đất 1.100m² có giá trị không đủ để thi hành án, còn lại phần đất diện tích 3.200m² thuộc thửa 164 có giá trị mới đủ để thi hành án cho ông Đ.

[7] Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự: *Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.*

[8] Căn cứ khoản 2 Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự quy định: *Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó.*

[9] Xét thấy, sau khi bản án số 16/2017/DSST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã có hiệu lực pháp luật. Bà G chỉ có 02 phần đất là tài sản để đảm bảo Thi hành án đối với bản án số 16/2017/DSST ngày 14/7/2017. Ngày 30 tháng 8 năm 2017, bà G đã cố ý thực hiện làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với 01 phần đất, còn để lại một phần đất không đủ để thi hành án, nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với bản án nêu trên nên vi phạm điểm c khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 75 của Luật thi hành án.

[10] Bản án sơ thẩm nhận định cho rằng phần đất này Chi cục thi hành án dân sự huyện H cũng chưa áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp đảm bảo thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án. Chi cục thi hành án huyện H cũng chưa ra Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản theo quy định tại Điều 19 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật thi hành án dân sự. Bản án sơ thẩm nhận định như trên là chưa phù hợp. Bởi lẽ, tại phần quyết định bản án sơ thẩm số 16/2017/DSST ngày 14/7/2017 quyết định “*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*”. Như vậy, khi bản án sơ

thẩm số 16/2017/DSST ngày 14/7/2017 các bên đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị thì có hiệu lực là thời gian để các bên đương sự thỏa thuận thi hành án theo quyết định trên. Tuy nhiên, sau khi bản án có hiệu lực bà G đã không thỏa thuận việc thi hành án với vợ chồng ông Đ và cũng không tự nguyện thi hành án. Ngày 30/8/2017 bà G và ông L đến UBND xã Ninh Quới A, huyện H để làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất toàn bộ thửa số 164, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.200m (đo đạc thực tế 2.608,2m²) cho ông Danh Tấn L là không đúng. Bà G biết rõ bà sẽ phải thi hành việc trả cho vợ chồng ông Đ số tiền 77.152.320đ và 10 chỉ vàng 24k theo quyết định của bản án số 16/2017/DSST ngày 14/7/2017. Trong khoảng thời gian bản án sơ thẩm có hiệu lực bà G đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này cho ông L là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án cho vợ chồng ông Đ. Do đó, ông Đ kháng cáo yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà G và ông L vào ngày 30/8/2017 là căn cứ chấp nhận.

[11] Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm nhận định Chi cục thi hành án chưa ra Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sử dụng đất là không đúng. Ngày 25/9/2017 Chi cục thi hành án đã có Công văn số 243/THADS yêu cầu Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tạm dừng chuyển quyền sử dụng đất đối với người thi hành án. Công văn này được đại diện Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định có nhận trong ngày 25/9/2017. Ngày 27/10/2017, Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu vẫn điều chỉnh trang 4 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Danh Thị G số E 0243994 cho ông Danh Tấn L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ thửa 0164, tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m² là chưa đúng quy định. Nên ngày 02/01/2019 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0243994 của bà Danh Thị G: Tại trang 4 ngày 02/01/2019 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đĩnh đã chỉnh bãi bỏ nội dung xác nhận ngày 27/10/2017 về việc tặng cho quyền sử dụng đất thửa số 0164 cho ông Danh Tấn L. Ngoài ra, ngày 11/01/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đã ra Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 11/01/2019: Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng đối với thửa 0164, tờ bản đồ số 02 diện tích 3.200m², thửa số 0672, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.100m² cấp cho bà G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0243994, QSDĐ số 08965 do UBND huyện H cấp ngày 01/01/1996.

[12] Tại Công văn số 20/CV-CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H ngày 01/4/2019 xác định: Việc thực hiện chuyển quyền (tặng cho) khi có Văn bản của cơ quan Thi hành án là chưa đúng quy định của pháp luật. Nên ngày 02/01/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đã Đĩnh chỉnh bãi bỏ nội dung xác nhận ngày 27/10/2017. Vì vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Danh Thị G số E 0243994 ngày 01 tháng 01 năm 1996 về thửa số 0164 được chuyển quyền sử dụng cho ông Danh Tấn L chưa đúng quy định pháp luật. Như vậy, thủ tục chuyển quyền sử dụng đất của bà Giỏi sang tên ông L tại thửa 0164 là không đúng quy định pháp luật.

[13] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn Đ; có căn cứ chấp nhận phát biểu của đại diện Viện kiểm

sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[14] Về chi phí tố tụng: Ông Phan Văn Đ không phải chịu. Ông Đ đã nộp 2.000.000đồng, đã chi phí hết 1.290.000đồng. Ông Đ được nhận lại 710.000đồng tại Tòa án đã nhận xong. Bà Danh Thị G trả cho ông Phan Văn Đ số tiền 1.290.000đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[15] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ông Phan Văn Đ không phải chịu. Ông Phan Văn Đ đã nộp án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0005690 ngày 28/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại 300.000đồng. Bà Danh Thị G phải chịu 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Phan Văn Đ không phải chịu.

[16] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 117, Điều 188, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 457, Điều 459 Bộ luật dân sự 2015; áp dụng Điều 167 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 75 của Luật thi hành án; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn Đ. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Đ đối với bà Danh Thị G về việc tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Danh Thị G với ông Danh Tấn L tại thửa đất 0164, tờ bản đồ 02 diện tích 3.200m² đo đạc thực tế 2.608.2m².

2. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa bà Danh Thị G và ông Danh Tấn L.

3. Về chi tố tụng: Ông Phan Văn Đ không phải chịu. Ông Đ đã nộp 2.000.000 đồng, đã chi phí hết 1.290.000 đồng, ông Đ được nhận lại 710.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã nhận xong. Bà Danh Thị G có trách nhiệm hoàn trả cho ông Phan Văn Đ số tiền 1.290.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Danh Thị G phải chịu 300.000 đồng. Ông Phan Văn Đ không phải chịu. Ông Phan Văn Đ đã nộp án phí 300.000đ theo biên

lai thu số 0005690 ngày 28/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại 300.000đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Văn Đ không phải chịu. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0005937 ngày 21/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện H (01 bản);
- VKSND huyện H (01 bản);
- CCTHADS huyện H (01 bản);
- Các đương sự (06 bản)
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Lệ Kiều